

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN G  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 10-3-2020

“Tranh chấp về ly hôn và  
yêu cầu nuôi con chung”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH KIÊN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thành Nghê

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Vũ Thị Đào;

2. Ông Nguyễn Thành Thật.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Ánh Tuyết – Thư ký Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Kiên Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G tham gia phiên tòa:** Bà Thị Xà Ly – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 328/2020/TLST-HNGĐ, ngày 20 tháng 10 năm 2020 về việc: “Tranh chấp về ly hôn và yêu cầu nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị Trương Kim N, sinh năm 1991 (có mặt);

*Bị đơn:* Anh Nguyễn Minh K, sinh năm 1990 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 29/9/2020, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trương Kim N trình bày:*

Vào năm 2011, sau thời gian tự tìm hiểu, chị và anh Nguyễn Minh K tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang vào ngày 25/4/2011.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh K thường xuyên gây ra nợ không rõ lý do dẫn đến vợ chồng cự cãi làm cho cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, vợ chồng đã ly thân từ năm 2019. Nay, chị nhận thấy hôn nhân không còn hàn gắn được nữa nên yêu cầu ly hôn.

Thời gian chung sống, vợ chồng có 02 con chung tên: Nguyễn Trương Ngọc H- sinh ngày 25/9/2012 và Nguyễn Trương Ngọc N – sinh ngày 22/10/2015, cả 02 con đang sống cùng với chị N.

Tài sản chung, nợ chung: Chị N xác định không có.

Tại phiên tòa, chị Trương Kim N yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Minh K; Về con chung, chị yêu cầu được nuôi hết 02 con, không yêu cầu cấp dưỡng; Về tài sản chung, nợ chung, không có nên chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Minh K không có mặt tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng anh K không có mặt cũng không cung cấp bản tự khai nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến hay bất cứ yêu cầu nào của anh.

***Đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:***

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, người tham gia tố tụng; việc thu thập tài liệu, chứng cứ, cấp tổng đạt văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát đúng quy định. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn đã được thông báo, tổng đạt các văn bản tố tụng đúng quy định nhưng đều vắng mặt là không tuân thủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82 và 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Trương Kim N được ly hôn với anh Nguyễn Minh K; Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Trương Ngọc H- sinh ngày 25/9/2012 và Nguyễn Trương Ngọc N – sinh ngày 22/10/2015 cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; Về tài sản chung và nợ chung: Chị N không yêu cầu nên không xem xét.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quá trình chung sống, do phát sinh mâu thuẫn không giải quyết được với nhau nên chị Trương Kim N khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Minh K được Tòa án thụ lý, giải quyết theo thẩm quyền được quy định tại Điều 28 và Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Anh Nguyễn Minh K với tư cách là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án vẫn được xét xử theo quy định.

[2] Về hôn nhân: Chị Trương Kim N và anh Nguyễn Minh K xác lập quan hệ hôn nhân với nhau vào năm 2011, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn số 65, ngày 25/4/2011, theo quy định tại Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Xét yêu cầu của chị N xin được ly hôn với anh Nguyễn Minh K vì lý do anh K thường xuyên gây ra nợ không rõ lý do nên vợ chồng cự cãi với nhau là cho cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc và vợ chồng đã tự ly thân với nhau từ năm 2019 đến nay. Đối với anh Nguyễn Minh K, Tòa án đã nhiều lần tổng đạt và thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng trong đó có 02 lần tổng đạt Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhằm tạo điều kiện cho vợ chồng anh chị hòa giải, đoàn tụ với nhau nhưng anh K đều không có mặt. Tại phiên tòa, chị N khai rõ mâu thuẫn giữa vợ chồng chị đã không thể hàn gắn vì chị không còn tình cảm với anh K nên cương quyết ly hôn. HĐXX thấy rằng, mâu thuẫn vợ chồng của chị N và anh K đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chấp nhận đề nghị của Đại diện Viện Kiểm sát, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N.

[3] Về con chung: Chị N xác định vợ chồng có 02 người con chung tên Nguyễn Trương Ngọc H- sinh ngày 25/9/2012 và Nguyễn Trương Ngọc N – sinh ngày 22/10/2015, hiện nay, cả 02 con đang sống cùng với chị N nên chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con và không yêu cầu anh K cấp dưỡng. Đối với anh K, từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa xét xử, anh K đều không có mặt cũng không có ý kiến và yêu cầu gì đối với yêu cầu được nuôi con chung của chị N nên Hội đồng xét xử không thể xem xét nguyện vọng của anh K.

Xét yêu cầu nuôi con chung của chị N, HĐXX thấy rằng, chị N là người đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung và cháu H, cháu N cũng được phát triển bình thường như những đứa trẻ khác. Đồng thời, cháu H cũng có nguyện vọng được sống cùng với chị N. Vì vậy, cần giao cháu H và cháu N cho chị N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 cũng là phù hợp với nguyện vọng của cháu H. Chị N không yêu cầu cấp dưỡng nên HĐXX không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị N xác định vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, HĐXX không xem xét.

[6] Về án phí: Án phí ly hôn bằng 300.000 đồng, chị Trương Kim N phải nộp do có yêu cầu.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 131 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Chấp nhận cho chị Trương Kim N được ly hôn với anh Nguyễn Minh K.

**2. Về con chung:** Giao 02 con chung tên Nguyễn Trương Ngọc H - sinh ngày 25/9/2012 và Nguyễn Trương Ngọc N – sinh ngày 22/10/2015 cho chị Trương Kim N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Nguyễn Minh K không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền tới lui thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở anh thực hiện quyền này.

Khi cần thiết anh chị có quyền làm đơn xin thay đổi quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

**3. Về án phí hôn nhân sơ thẩm:** Chị Trương Kim N phải nộp án phí là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005293, ngày 20/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Kiên Giang. Như vậy, chị N đã nộp xong án phí.

**4.** Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 10/3/2021). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*Đã ký*

**Nguyễn Thành Nghê**